

Danh sách các bạn chép từ vựng: Gia Hưng, Ngọc Minh, Việt Lâm. Chép 3 lần các từ dưới đây.

Vocabulary:

- well-known (a) = famous, nổi tiếng

- attend (v) Tham dự

- audience (n) khán giả

- hit song (n) bài hát thành công

- campsite (n) điểm cắm trại

- stir up (v) khuấy động

- escape (v) thoát khỏi, trốn thoát

Religious (adj): Thuộc về tôn giáo, mang tính tôn giáo

Religion (n): tôn giáo

Seasonal (adj): Theo mùa, thuộc về mùa

Superstitious (adj): Mang tính mê tín

celebrate (v): Tổ chức

- attend (v): Tham dự, có mặt

- greasy (adj): Bóng nhờn / nhiều dầu/ mỡ

- cannon (n) Súng thần công, đại bác

- chaos (n): sự hỗn loạn

- goggles (n) Kính bảo hộ